

Bản án số: 27/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 17/01/2023

“V/v Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Thanh Tuấn

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bích Liên;

Bà Dương Thị Kim Hồng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thúy Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương:** Bà Bùi Thị Hậu - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ L số 353/2022/HNGĐ-TLST ngày 09/11/2022, về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 396/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/12/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2023/QĐ-ST ngày 03 tháng 01 năm 2023 giữa:

1. Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1965.

HKTT: Thôn Kinh D, xã Thái D, huyện Bình G, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Bà **Đặng Thị M**, sinh năm 1971.

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Thôn Kinh D, xã Thái D, huyện Bình G, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú hiện nay: Đài Loan.

3. Người làm chứng: Anh **Nguyễn Văn Q**, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Thôn Kinh D, xã Thái D, huyện Bình G, tỉnh Hải Dương.

Các đương sự và người làm chứng đều vắng mặt (ông L có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai - Nguyên đơn ông Nguyễn Văn L trình bày: Ông và bà Đặng Thị M tự do tìm hiểu, tổ chức cưới theo phong tục tập quán và về chung sống cùng nhau như vợ chồng từ năm 1988 tại thôn Kinh D, xã Thái D, huyện Bình G, tỉnh Hải Dương. Hai bên không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên không được cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Sau ngày cưới, ông và bà M sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2002 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do kinh tế khó khăn, dẫn đến bất đồng quan điểm, không tìm thấy tiếng nói chung. Năm 2003, bà M đi Đài Loan lao động, từ khi đi bà M không về Việt Nam, không chu cấp tiền nuôi con, ông và bà M ly thân từ đó cho đến nay. Nay ông L xác định tình cảm giữa ông và bà M không còn, ông có đơn ly hôn. Tuy nhiên, do ông và bà M không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận ông và bà M là vợ chồng.

Về con chung: Ông và bà M có 3 con chung là Nguyễn Hồng T, sinh ngày 05/6/1990, Nguyễn Văn Th, sinh ngày 14/10/1992 và Nguyễn Văn Q, sinh ngày 12/10/1998. Hiện nay cả ba con đều đã trưởng thành nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Đặng Thị M hiện nay đang lao động tại Đài Loan, do ông L không cung cấp được địa chỉ của bà M nên Tòa án xác minh qua người thân của bà M. Hiện nay, bố mẹ của bà M đều đã mất. Tòa án tiến hành lấy lời khai của anh Nguyễn Văn Q là con đẻ của bà M và ông L. Anh Q trình bày: Anh và bà M thường xuyên liên lạc qua điện thoại. Từ năm 2006, bà M đi Đài Loan lao động đến nay chưa về. Bà M đã được anh Q thông báo các nội dung văn bản tố tụng của Tòa án và có quan điểm xác định giữa bà và ông L được gia đình tổ chức cưới năm 1988, nhưng không đăng ký kết hôn nên không được cấp Giấy chứng nhận kết hôn, vợ chồng sống ly thân đã lâu, nay ông L có đơn ly hôn bà đồng ý. Về con chung các con đã trưởng thành, không đề nghị Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh của Ủy ban nhân dân xã Thái D, huyện Bình G, tỉnh Hải Dương thể hiện: Địa phương không còn lưu giữ sổ đăng ký kết hôn từ năm 1990 trở về trước, hiện chỉ còn lưu giữ sổ đăng ký kết hôn từ năm 1990 cho đến nay. Trường hợp của ông L, bà M có đăng ký kết hôn hay không thì địa phương không nắm được vì sổ sách không ghi chép. Đề nghị, Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại lời khai của người làm chứng ông Phạm Văn T, bà Đặng Thị Th là trưởng thôn và hàng xóm sinh sống tại thôn Kinh D, xã Thái D, huyện Bình G, tỉnh

Hải Dương xác định: Ông L, bà M có tìm hiểu và tổ chức cưới theo phong tục tập quán của địa phương, tuy nhiên không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Theo thông tin của Cục xuất nhập cảnh cung cấp tại Công văn số 2839/QLXNC-P5 ngày 26 tháng 12 năm 2022 thể hiện: Bà Đặng Thị M, sinh ngày 01/01/1971 tại Hải Dương, sử dụng hộ chiếu số B0851547 để xuất cảnh ngày 28/12/2006 qua cửa khẩu Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Tại phiên tòa, ông L, bà M, anh Q đều vắng mặt (ông L có đơn xin xét xử vắng mặt).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy ông L và bà M chung sống cùng nhau từ năm 1988, không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Mâu thuẫn giữa ông L và bà M đã trầm trọng. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông L và bà M. Về con chung: Ông L, bà M có 03 con chung là Nguyễn Hồng T, sinh ngày 05/6/1990, Nguyễn Văn Th, sinh ngày 14/10/1992 và Nguyễn Văn Q, sinh ngày 12/10/1998, hiện nay các con đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết; Về án phí: ông L phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Ông Nguyễn Văn L có đơn ly hôn với bà Đặng Thị M là người Việt Nam, có địa chỉ trước khi xuất cảnh tại thôn Kinh D, xã Thái D, huyện Bình G, tỉnh Hải Dương, hiện đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 37, Điều 39, Điều 464 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ L, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa, ông L vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà M vắng mặt lần thứ hai, căn cứ Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vụ án theo quy định. Tòa án xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng

dẫn giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ.

[2]. Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Nguyễn Văn L và bà Đặng Thị M tự do tìm hiểu, được gia đình hai bên tổ chức cưới và chung sống cùng nhau tại thôn Kinh D, xã Thái D, huyện Bình G, tỉnh Hải Dương từ năm 1988. Ông L, bà M không đến cơ quan có thẩm quyền để đăng ký kết hôn, do đó không được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Trong thời gian ở chung, ông L bà M sống hạnh phúc đến năm 2002 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do kinh tế khó khăn dẫn đến bất đồng quan điểm. Năm 2003 bà M đi Đài Loan lao động, hai bên không còn liên lạc. Xét thấy, ông L và bà M chung sống với nhau như vợ chồng, không có đăng ký kết hôn, hiện nay không còn tình cảm vì phạm quy định tại Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 2, khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016, vì vậy HĐXX tuyên bố ông L, bà M không phải là vợ chồng.

- *Về con chung*: Ông Nguyễn Văn L và bà Đặng Thị M có 03 con chung là Nguyễn Hồng T, sinh ngày 05/6/1990, Nguyễn Văn Th, sinh ngày 14/10/1992 và Nguyễn Văn Q, sinh ngày 12/10/1998. Hiện tại các con đã trưởng thành, ly hôn Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Ông Nguyễn Văn L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 2, khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016; Điều 28, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 464 và Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Văn L và bà Đặng Thị M.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn L phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được đối trừ số tiền tạm ứng án phí

300.000đ (ba trăm nghìn đồng) ông L đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0002381 ngày 09 tháng 11 năm 2022 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Ông L đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Văn L, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Bà Đặng Thị M được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Thái D;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Thanh Tuấn